

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/KDTM-ST
Ngày: 30-9-2020
v/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
trả tiền

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Ông Đặng Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng: Bà Trần Lê Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 26/2020/TLST-KDTM ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc: “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-KDTM ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần V.

Địa chỉ: Tầng 06, tòa nhà DITP, Lô A2-19, đường N nối dài, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn K; Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hồng L - Sinh năm: 1975 - Chức vụ: Phó phòng bán hàng (Văn bản ủy quyền số 593/UQ-DXV ngày 01/7/2020) (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.

Địa chỉ: Số 95 đường Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Đắc T- Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2020 của nguyên đơn Công ty Cổ phần V (Sau đây gọi tắt là Công ty V), bảng tự khai đề ngày 01/7/2020, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Hồng L trình bày:

Công ty V và Công ty Trách nhiệm hữu hạn H (Sau đây gọi tắt là Công ty H) ký kết Hợp đồng mua bán xi măng số 182/HĐMB ngày 31/01/2016 với nội dung cụ thể như sau: Công ty V bán cho Công ty H sản phẩm là xi măng thương hiệu Hải Vân, Hoàng Thạch, Bim Sơn...với khối lượng năm 2016 là 1.200 tấn xi măng các loại, về đơn giá được quy định cụ thể tại Điều 3 của hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty H đã mua số lượng xi măng có giá trị là 373.832.883 đồng và đã thanh toán đến ngày 31/01/2017 số tiền là 143.632.891 đồng. Vào ngày 15/9/2017, giữa hai Công ty đã tiến hành lập Biên bản đối chiếu công nợ tháng 8/2017, theo đó Công ty H còn nợ Công ty V số tiền là 230.199.992 đồng. Công ty V đã nhiều lần yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền hàng còn nợ nhưng Công ty H không có thiện chí trả nợ. Do đó, Công Vicem đã khởi kiện Công ty H.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, theo đó: buộc Công ty H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty V số tiền mua xi măng còn nợ là 230.199.992 đồng.

Đối với bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, do Công ty H tạm ngừng kinh doanh nên Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc thụ lý vụ án, thông báo về thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian xét xử nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với

các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/07/2020 thì Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền mua xi măng còn nợ theo Hợp đồng mua bán xi măng số 182/HĐMB ngày 31/01/2016 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/9/2017, HĐXX xét thấy đây là tranh chấp giữa hai công ty có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là tranh chấp kinh doanh thương mại về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có trụ sở tại địa chỉ: Số 95 đường Đ, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là bà Phạm Thị Đắc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung: Đối với yêu cầu buộc Công ty H thanh toán số tiền nợ còn lại là 230.199.992 đồng.

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Công ty H không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến cũng như đưa ra chứng cứ để chứng minh đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả về việc không chứng minh được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các

tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như Hợp đồng mua bán xi măng số 182/HĐMB ngày 31/01/2016, Biên bản đối chiếu công nợ ngày 15/9/2017, các hóa đơn giá trị gia tăng, giấy báo có và các phiếu thu là có căn cứ xác định: Ngày 31/01/2016, giữa Công ty V và Công ty H có ký kết Hợp đồng mua bán xi măng số 182/HĐMB về việc mua bán xi măng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng mua bán hàng hóa nêu trên có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 24 của Luật Thương mại nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã thực hiện đúng các cam kết theo hợp đồng đã ký kết. Ngày 15/9/2017, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, tại thời điểm này Công ty H còn nợ Công ty V số tiền 230.199.992 đồng. Công ty V đã nhiều lần có văn bản yêu cầu Công ty H thanh toán số tiền nợ còn lại nhưng Công ty H vẫn không thực hiện. Do đó, HĐXX xét thấy có căn cứ Công ty H còn nợ Công ty V số tiền 230.199.992 đồng. Việc bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ của bên mua quy định tại Điều 50, 55 của Luật Thương mại, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Theo cung cấp của Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch & Đầu tư thành phố Đà Nẵng thì Công ty H hiện đang tạm ngừng kinh doanh từ ngày 06/4/2020 đến ngày 05/4/2021. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Luật Doanh nghiệp, thì Công ty H vẫn phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty H thanh toán số tiền hàng còn nợ là 230.199.992 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là cơ sở phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là $5\% \times 230.199.992 = 11.510.000$ đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Công ty Cổ phần V được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 30, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 24, Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại;
- Khoản 3 Điều 200 Luật Doanh nghiệp;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần V đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn H về việc tranh chấp Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần V số tiền là 230.199.992 đồng (Hai trăm ba mươi triệu, một trăm chín mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày Công ty Cổ phần V có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải chịu 11.510.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Công ty Cổ phần V được hoàn trả 5.755.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001296 ngày 28/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền